

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 4 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.

Ông Nguyễn Công Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 447/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã Tân Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Ngọc P – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B.

Chị Lê Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; anh Trần Văn C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 7/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù hai bên gia đình tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Chị và anh C ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày

nào. Nay chỉ thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chỉ đề nghị Tòa án giải quyết cho chỉ được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chỉ và anh Trần Văn C có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 29/5/2022 hiện cháu N đang được chỉ trực tiếp nuôi dưỡng. Chỉ có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Trần Văn C vắng mặt không lý do, nên không có lời trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Trần Văn C; chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Đ đối với anh C, giao cháu Trần Khả N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết và cho đến trước phiên tòa hôm nay Thẩm phán thực hiện đúng các bước theo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ đối với bị đơn anh Trần Văn C. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh C. Ghi nhận chị Đ và anh C có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 29/5/2022. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Đ đối với anh C. Giao cháu Trần Khả N cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của chị Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung, buộc anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trần Văn C đều vắng mặt dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập anh C tham gia kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do; Về phía chị Lê Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn C và chị Lê Thị Đ.

[2] Về nội dung vụ án: Anh Trần Văn C và chị Lê Thị Đ bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Theo lời trình bày của chị Đ cho rằng, thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 7/2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù hai bên gia đình tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả và ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không sống chung lại với nhau ngày nào. Xét thấy, giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị Đ có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa anh C và chị Đ không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Tòa án thông báo cho anh C các phiên hòa giải, mục đích động viên cho anh và chị Đ đoàn tụ sống lại với nhau nhưng anh C không chấp hành, xem như anh C đã từ bỏ quyền của mình và không có thiện chí đoàn tụ với chị Đ. Mặt khác, chị Đ kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với anh C. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng anh C và chị Đ không đảm bảo nguyên tắc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ đối với anh C.

Về con chung: Anh Trần Văn C và chị Lê Thị Đ có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 29/5/2022 hiện cháu N đang được chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cháu N đang sống chung với chị Đ và được chị Đ chăm sóc tốt nên Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao cháu N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp nên được chấp nhận. Chị Đ không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp. Về nội dung giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Lê Thị Đ đối với anh Trần Văn C.

Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn C.

[3] Về con chung: Ghi nhận anh Trần Văn C và chị Lê Thị Đ có 01 con chung tên Trần Khả N, sinh ngày 29/5/2022. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Đ đối với anh C. Giao cháu Trần Khả N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Đ khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0007064 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[6] Đương sự có mặt, có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tâm